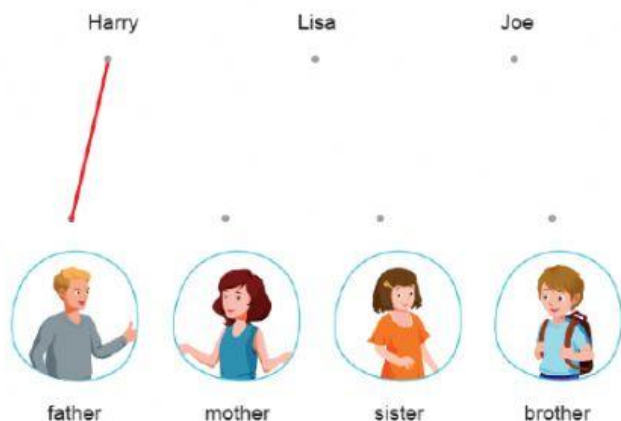


Name: _____ class : _____

Speaking skills (kĩ năng nói)

Part 1

- 2 questions -



Part 2

- 2 questions -

Part 3

- 2 questions -

Example

Who's he?



grandfather

A ☐



grandmother

B ☐



uncle

C ☒

① Who's he?



uncle

A ☐



aunt

B ☐



cousin

C ☐

② Is Toby's father tall, short or handsome?



tall

A ☐



short

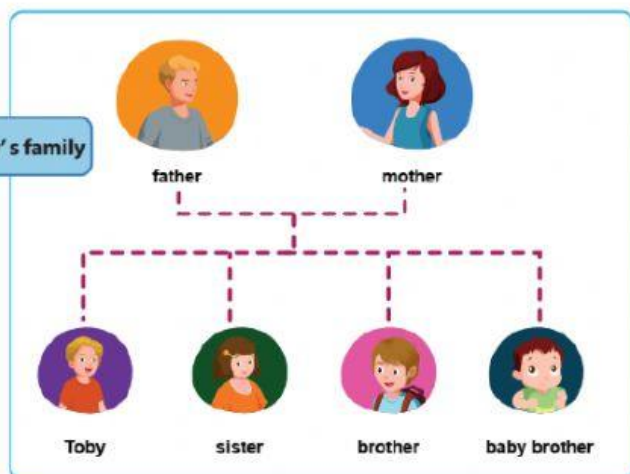
B ☐



handsome

C ☐

Toby's family



Examples

What's Toby's baby brother's name? Max

How old is Toby's baby brother? 1

Questions

① What's Toby's mother's name?

② How old is Toby's brother Joe?

Part 1

- ①  He's my baby brother. ☐
- ②  She's my mother. ☐
- ①  It's a red balloon. ☐
- ②  It's a green flower. ☐
- ⑤  She's my sister. ☐
- ⑥  He's my baby brother. ☐
- ⑦  She's my father. ☐

Part 5

- 2 questions -



1. Is your uncle short? No, he isn't. He's _____
2. Are your cousins pretty? No, they aren't. They're _____
3. How many girls in the garden? _____
4. Is a baby old? No, he isn't. He's _____

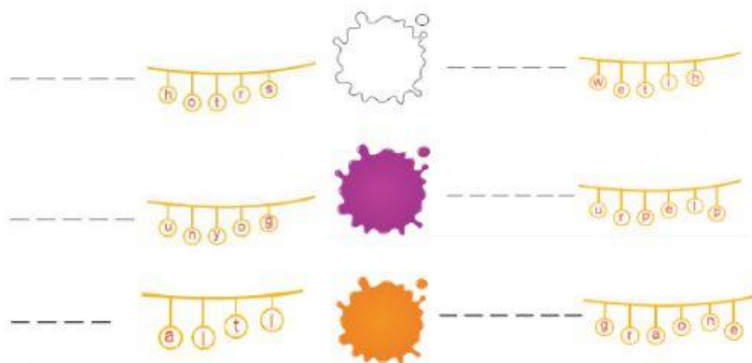
Part 2

- 2 questions -



1. There's a blue bag. _____
2. There are three blue pencils. _____
3. There are two girls in the classroom. _____
4. There is a desk in the classroom. _____
5. There are four boards on the wall. _____

Part 3



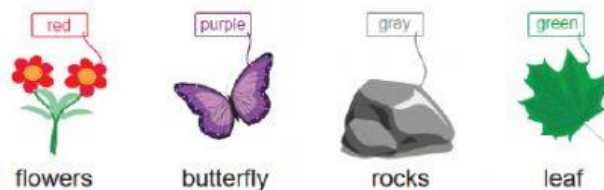
Part 4

- 2 questions -



Toby's garden

Toby and Adam are in the garden. There are three red flowers.
There is one purple (1) _____ and four gray (2) _____.



flowers

butterfly

rocks

leaf

- | | |
|-------------------|-----------------------|
| 1. ông..... | 11. màu hồng..... |
| 2. bà..... | 12. màu cam..... |
| 3. cô..... | 13. trẻ..... |
| 4. chú..... | 14. màu vàng..... |
| 5. chị gái..... | 15. màu tím..... |
| 6. em trai..... | 16. màu đen..... |
| 7. cao..... | 17. màu nâu..... |
| 8. thấp..... | 18. màu xanh đậm..... |
| 9. đẹp trai..... | 19. mập..... |
| 10. xinh đẹp..... | 20. gầy..... |

1. Ông ấy là ba của Tom. Ông ấy tên là Dan.

->.....

2. Bà ấy là mẹ của tôi. Bà ấy tên là Lucy.

->.....

3. có 1 bông hoa màu hồng

->.....

4. có 2 cái lá màu xanh

->.....

5. có 5 tảng đá màu xám.

->.....

6. he's/ thin/a/boy.->.....

7. what/is/color/this?->.....

8. who's/tall/the/girl?->.....

9. what's/favorite/your/color?->.....

10. she's/mother/my. Ann/she's->.....